ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 77 /QĐ-UBND	*Bến Thành, ngày 23 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bến Thành năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Phiếu trình số 162/PT-KTHTĐT ngày 23 tháng 01 năm 2026 về công khai dự toán ngân sách năm 2026,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đảng ủy phường;
- Hội đồng nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- UBND phường: CT, các PCT;
- Lưu: VT, (KTHTĐT, TT 5b).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG BẾN THÀNH T.P HỒ CHÍ MINH

Mai Thị Hồng Hoa



ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG BẾN THÀNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

Về căn cứ, nguyên tắc và định mức phân bổ dự toán năm 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Bến Thành)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 3 năm 2026-2028;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 484/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 487/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bến Thành năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026.

1. Về dự toán thu ngân sách năm 2026 (bao gồm dự toán thu ngân sách nhà nước và dự toán thu ngân sách phường).

Dự toán thu ngân sách phường được hưởng năm 2026 được xác định trên cơ sở thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cấp xã năm 2025 và Quy định về phân cấp nguồn

thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố.

Theo quy định tại Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định: Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, bảo đảm không thấp hơn dự toán thu ngân sách nhà nước được cấp trên giao; dự toán thu ngân sách địa phương; dự toán chi ngân sách địa phương; phân bổ dự toán ngân sách cấp mình (tổng số, bao gồm các khoản đã phân bổ chi tiết và các khoản chưa phân bổ chi tiết, chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên, dự phòng ngân sách).

1.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước: 3.500 tỷ đồng. Trong đó:

- Thu khu vực kinh tế nhà nước và đầu tư nước ngoài: 350,00 tỷ đồng

+ Thu từ khu vực kinh tế nhà nước *100,00 tỷ đồng*

+ Thu từ khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài *250,00 tỷ đồng*

- Thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 2.143,00 tỷ đồng

- Thuế thu nhập cá nhân 856,00 tỷ đồng

- Tiền sử dụng đất 3,00 tỷ đồng

- Lệ phí trước bạ: 105,00 tỷ đồng

Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất *42,00 tỷ đồng*

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 8,00 tỷ đồng

- Thu phí, lệ phí: 23,00 tỷ đồng

+ Phí, lệ phí: *23,00 tỷ đồng*

+ Lệ phí môn bài từ cá nhân, hộ kinh doanh: *0 tỷ đồng*

- Thu khác ngân sách; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác: 12,00 tỷ đồng

1.2. Dự toán thu ngân sách phường **484,143 tỷ đồng**

1.2.1. Dự toán thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp: 38,100 tỷ đồng gồm:

- Thu ngân sách hưởng 100% 8,700 tỷ đồng

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp *8,00 tỷ đồng*

+ Thu phí, lệ phí *0,46 tỷ đồng*

+ Thu khác *0,24 tỷ đồng*

- Thu ngân sách được hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 29,400 tỷ đồng

Trong đó: Lệ phí trước bạ nhà đất *29,400 tỷ đồng*

1.2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: **446,043 tỷ đồng**

- Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 155,284 tỷ đồng

- Số bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện cải cách tiền lương:

179,460 tỷ đồng

- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 111,299 tỷ đồng. Trong đó: Thu bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 0,35 tỷ đồng.

Chi tiết như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	
		Thu ngân sách Nhà nước	Thu ngân sách phường
	TỔNG CỘNG	**3.500,000**	**484,143**
I	**Thu ngân sách**	**3.500,000**	**38,100**
1	Thu khu vực kinh tế Nhà nước	100,000	
2	Thu khu vực kinh tế Đầu tư nước ngoài	250,000	
3	Thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.143,000	
4	Thuế thu nhập cá nhân	856,000	
5	Lệ phí trước bạ	105,000	29,400
	- Lệ phí trước bạ nhà đất	42.000	29,400
7	Tiền sử dụng đất	3,000	
8	Tiền thuê đất	-	
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8,000	8,000
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	
11	Thuế bảo vệ môi trường	-	
12	Thu Phí - lệ phí	23,000	0,460
13	Lệ phí môn bài	-	
14	Thu khác	12,000	0,240
II	**Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang**		
III	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
IV	**Thu các khoản huy động đóng góp**		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	
		Thu ngân sách Nhà nước	Thu ngân sách phường
V	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**-**	**446,043**
	- Bổ sung cân đối ngân sách		334,744
	- Bổ sung có mục tiêu		111,299
VI	**Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp nhân sách**		

2. Dự toán chi ngân sách phường: **484,143 tỷ đồng**

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 0,350 tỷ đồng
- Chi thường xuyên: 470,045 tỷ đồng
- Dự phòng ngân sách: 13,748 tỷ đồng

3. Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2026

Tổng chi ngân sách phường bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn Thành phố phân cấp. Nguyên tắc bố trí dự toán chi như sau:

3.1 Về định mức

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 thực hiện theo Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách phường được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đảm bảo chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở theo quy định hiện hành, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện chế độ, chính sách được nhà nước ban hành. Quán triệt chủ trương tiết kiệm chống lãng phí theo quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãnh phí.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Tiếp tục thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (*được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ*). Căn cứ tình hình thu, chi tài chính năm 2026, quỹ tiền lương và các khoản chi hoạt động thường xuyên, các chính sách hỗ trợ, thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ giáo viên dạy hòa nhập khuyết tật; chính sách hỗ trợ cho giáo viên mầm non, mua sắm, sửa chữa,… theo quy định.

- Đối với cơ quan hành chính Ủy ban nhân dân phường: Tiếp tục áp dụng cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ.

- Dự phòng ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng,

an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán.

- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể theo quỹ tiền lương của số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao và định mức khoán chi hoạt động thường xuyên theo số biên chế được giao 85 triệu đồng/biên chế/năm.

- Kinh phí để thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ chung, hoạt động phong trào như sau:

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của khối Đảng là 2.000 triệu đồng/năm.

+ Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân phường là 1.500 triệu đồng/năm.

+ Kinh phí hoạt động thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân: phân bổ kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân phường là 41 triệu đồng/đại biểu/năm (bao gồm phụ cấp của đại biểu Hội đồng nhân dân phường).

+ Phân bổ thêm kinh phí thực hiện các hoạt động phong trào của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường là 1.500 triệu đồng/năm.

+ Chi chế độ cho khu phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở khu phố tổ hòa giải cơ sở, … theo quy định.

- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Kinh phí phân loại rác tại nguồn, các hoạt động bảo vệ môi trường khác.

- Chi hoạt động kinh tế: Kinh phí hỗ trợ liên quan lĩnh vực kinh tế khác.

- Chi sự nghiệp y tế: Kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách, chương trình, kế hoạch của cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành như: Thẻ BHYT đối tượng bảo trợ xã hội; hưu trí xã hội; đối tượng người từ đủ 65 tuổi, đối tượng người từ đủ 75 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng, người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ cận nghèo đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng, trẻ em dưới 6 tuổi, người có công cách mạng,…; chúc thọ người cao tuổi, kinh phí cộng tác viên dân số và sức khỏe cộng đồng, thực hiện các chính sách về y tế, dân số;…

- Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục thể thao: Kinh phí chi các hoạt động sự nghiệp văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, phát thanh truyền hình là 850 triệu đồng.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: thực hiện chế độ, chính sách hỗ trợ; các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ*); phòng chống các tệ nạn xã hội, chi hỗ trợ ngày thương binh liệt sĩ 27/7; bảo hiểm y tế của các đối tượng thuộc Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; chi trợ cấp xã hội qua bưu điện; chi trợ cấp Tết và các chính sách chế độ khác theo quy định; chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;…

- Chi quốc phòng, an ninh: Kinh phí đảm bảo các hoạt động quốc phòng - an ninh trên địa bàn các xã, phường là 3.000 triệu đồng/năm; kinh phí đảm bảo chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân cấp xã; chế độ, chính sách của Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các chính sách khác theo quy định.

Các khoản chi nêu trên chưa bao gồm:

+ Tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) theo quy định để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2026.

+ Tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên (ngoài tiết kiệm tạo nguồn cải cách tiền lương) để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội.

+ Kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: hệ số chi tăng thu nhập tăng thêm bố trí dự toán ngân sách năm 2026 tối đa là 1,5 lần so với tiền lương ngạch bậc, chức vụ.

3.2. Phương án phân bổ dự toán chi ngân sách:

Dự toán chi ngân sách phường Bến Thành năm 2026 với tổng số tiền 484,143 tỷ đồng, cụ thể:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2026	Tỷ trọng
A	B	1	2
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**484,143**	**100,00%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**0,350**	**0,07%**
II	**Chi thường xuyên các lĩnh vực**	**470,045**	**97,09%**
1	Chi quốc phòng	15,432	3,19%
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	18,190	3,76%
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	261,111	53,93%
4	Chi y tế, dân số và gia đình	30,734	6,35%
5	Chi văn hoá thông tin	0,850	0,18%
6	Chi thể dục thể thao	-	0,00%
7	Chi bảo vệ môi trường	0,718	0,15%
8	Chi các hoạt động kinh tế	1,911	0,39%
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	85,690	17,70%
10	Chi đảm bảo xã hội	52,006	10,74%
11	Chi khác	3,403	0,70%
III	**Dự phòng**	**13,748**	**2,84%**

Thuyết minh nội dung chi:

- Chi đầu tư phát triển: 350 triệu đồng, bố trí kế hoạch vốn cho 07 dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (mỗi dự án là 50 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: 470,045 tỷ đồng, cụ thể:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 1,911 tỷ đồng kinh phí nguồn chi thu nhập tăng thêm của Ban Quản lý chợ phường Bến Thành.

+ Chi sự nghiệp môi trường: 0,718 tỷ đồng kinh phí tuyên truyền bảo vệ môi trường khác và kinh phí phân loại rác tại nguồn (Công tác quét rác, thu gom, vận chuyển rác chưa giao về phường thực hiện).

+ Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 261,111 tỷ đồng để bố trí kinh phí chế độ, chính sách, hoạt động của ngành giáo dục, sửa chữa, mua sắm, cấp bù học phí, hỗ trợ học phí, miễn giảm chi phí học tập, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức và các hoạt động giáo dục khác.

+ Chi sự nghiệp y tế: 30,734 tỷ đồng kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng; chúc thọ người cao tuổi, kinh phí cộng tác viên dân số và sức khỏe cộng đồng, thực hiện các chính sách về y tế, dân số.

+ Chi sự nghiệp văn hóa: 0,85 tỷ đồng kinh phí tuyên truyền, hoạt động văn hóa thông tin.

+ Chi đảm bảo xã hội: 52,006 tỷ đồng kinh phí trợ cấp người có công cách mạng, hỗ trợ kinh phí tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, trợ cấp xã hội theo quy định, phòng chống các tệ nạn xã hội, chi hỗ trợ ngày thương binh liệt sĩ 27/7, chi trợ cấp Tết. Kinh phí từ ngân sách Trung ương là 13,017 tỷ đồng thực hiện theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

+ Chi hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 85,690 tỷ đồng kinh phí hoạt động quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, khu phố, kinh phí khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng,…

+ Chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: 18,190 tỷ đồng kinh phí lực lượng bảo vệ an ninh trật tự cơ sở và công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường.

+ Chi quốc phòng: 15,432 tỷ đồng kinh phí chế độ, chính sách của Ban chỉ huy quân sự phường, hoạt động quốc phòng và chế độ của lực lượng dân quân.

+ Chi khác ngân sách: 3,403 tỷ đồng.

- Dự phòng ngân sách: 13,748 tỷ đồng để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán.

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN [1] NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2026	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2026	Dự toán năm			
						Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**350**	-	-	-	-	-	-	-
1. Công trình chuyển tiếp									
2. Công trình khởi công mới		**350**							
Dự án Sửa chữa, cải tạo trường THCS Đồng Khởi, phường Bến Thành	2026-2027	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 04 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Lê Thị Riêng, Đặng Trần Côn, Huyền Trân Công Chúa, Cách Mạng Tháng Tám)	2026-2028	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 05 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Bùi Thị Xuân, Nam Quốc Cang, Lương Hữu Khánh, Tôn Thất Tùng, Cống Quỳnh)	2026-2027	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 03 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Ký Con, Calmette, Lê Thị Hồng Gấm)	2026-2028	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 02 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Trịnh Văn Cấn, Phan Văn Trường)	2026-2027	50							
Dự án Sửa chữa, cải tạo 10 hẻm phường Bến Thành (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Đề Thám, Đỗ Quang Đẩu, Trần Hưng Đạo, Bùi Viện, Lương Hữu Khánh, Bùi Thị Xuân, Tôn Thất Tùng)	2026-2027	50							
Dự án Sửa chữa, cải tạo 10 hẻm phường Bến Thành (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Yersin, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Thái Bình, Võ Văn Kiệt, Phó Đức Chính, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thủ Khoa Huân)	2026-2027	50							



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**484.143**	**TỔNG SỐ CHI**	**484.143**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	**8.700**	**I. Chi đầu tư phát triển**	**350**
- Phí, lệ phí	460		
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000		
- Thu khác	240		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	**29.400**	**II. Chi thường xuyên**	**470.045**
- Lệ Phí trước bạ nhà, đất	29.400		
III. Thu bổ sung	**446.043**	**III. Dự phòng**	**13.748**
- Bổ sung cân đối	334.744		
- Bổ sung có mục tiêu	111.299		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 174 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG
A	B	3	4
	TỔNG THU	**3.500.000**	**484.143**
I	**Các khoản thu 100%**	**106.000**	**8.700**
	Phí, lệ phí	23.000	460
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Thuế tài nguyên, không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí		
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	8.000
	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
	Lệ phí trước bạ	63.000	
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
	Thu khác	12.000	240
	Huy động, đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách các cấp		
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**3.394.000**	**29.400**
1	Các khoản thu phân chia	3.394.000	29.400
	Thu từ khu vực Kinh tế Nhà nước	100.000	
	Thu từ khu vực Kinh tế Đầu tư nước ngoài	250.000	
	Thu từ khu vực Kinh tế ngoài quốc doanh	2.143.000	
	Thuế thu nhập cá nhân	856.000	
	Thuế tiêu thụ đặc biệt, không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa nhập khẩu do cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước.		
	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước 2025	3.000	
	Thuế bảo vệ môi trường, không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		
	Lệ phí trước bạ nhà đất	42.000	29.400
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**		
IV	**Thu chuyển nguồn**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	-	**446.043**
	- Thu bổ sung cân đối		334.744
	- Thu bổ sung có mục tiêu		111.299



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	*B*	*1=2+3*	*2*	*3*
	TỔNG CHI	**484.143**	**350**	**483.793**
	Trong đó			
1	Chi Giáo dục, đào tạo và dạy nghề	261.111		261.111
2	Chi an ninh	18.190		18.190
3	Chi quốc phòng	15.432		15.432
4	Chi y tế, dân số và gia đình	30.734		30.734
5	Chi văn hóa, thông tin	850		850
6	Chi phát thanh, truyền thanh	-		-
7	Chi thể dục thể thao	-		-
8	Chi bảo vệ môi trường	718		718
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.911		1.911
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	85.690		85.690
11	Chi bảo đảm xã hội	52.006		52.006
12	Chi khác	3.403		3.403
13	Dự phòng ngân sách	13.748		13.748



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Biểu số 112/CK TC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026

Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành,

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2026		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
TỔNG SỐ						
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
Không phát sinh						
2. Các hoạt động sự nghiệp						



ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN [(1)] NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2026	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2026	Dự toán năm			
						Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**350**	-	-	-	-	-	-	-
1. Công trình chuyển tiếp									
2. Công trình khởi công mới		**350**							
Dự án Sửa chữa, cải tạo trường THCS Đồng Khởi, phường Bến Thành	2026-2027	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 04 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Lê Thị Riêng, Đặng Trần Côn, Huyền Trân Công Chúa, Cách Mạng Tháng Tám)	2026-2028	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 05 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Bùi Thị Xuân, Nam Quốc Cang, Lương Hữu Khánh, Tôn Thất Tùng, Cống Quỳnh)	2026-2028	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 03 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Ký Con, Calmette, Lê Thị Hồng Gấm)	2026-2027	50							
Dự án Cải tạo, nâng cấp 02 vỉa hè phường Bến Thành (cụ thể vỉa hè các tuyến đường Trịnh Văn Cấn, Phan Văn Trường)	2026-2027	50							
Dự án Sửa chữa, cải tạo 10 hẻm phường Bến Thành (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Đề Thám, Đỗ Quang Đẩu, Trần Hưng Đạo, Bùi Viện, Lương Hữu Khánh, Bùi Thị Xuân, Tôn Thất Tùng)	2026-2027	50							
Dự án Sửa chữa, cải tạo 10 hẻm phường Bến Thành (cụ thể hẻm thuộc các tuyến đường Yersin, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Thái Bình, Võ Văn Kiệt, Phó Đức Chính, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thủ Khoa Huân)	2026-2027	50							

